

PHỤ LỤC VĂN BẰNG

Họ và tên: Lê Thị Nhàn
Ngày sinh: 08/07/2003
Ngành học: Sư phạm Tiếng Anh
Trình độ đào tạo: Đại học
Thời gian đào tạo: 2021 - 2025 (Khóa 18)
Ngày nhập học: 24/08/2021

Mã sinh viên: 21F7010148
Giới tính: Nữ
Chuyên ngành:
Hình thức đào tạo: Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Anh
Số hiệu văn bằng: DHH.6.C.0005973

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4
1	Nghệ 1	2	9.1	4.0	33	Nghệ 5	2	8.1	3.0
2	Nói 1	2	8.3	3.0	34	Nói 5	2	8.5	4.0
3	Đọc 1	2	7.9	3.0	35	Đọc 5	2	7.3	3.0
4	Viết 1	2	8.9	4.0	36	Viết 5	2	9.0	4.0
5	Tiếng Việt thực hành	2	6.6	2.0	37	Lịch sử văn minh thế giới	2	7.5	3.0
6	Nghệ 2	2	8.3	3.0	38	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	6.5	2.0
7	Nói 2	2	9.0	4.0	39	Ngoại ngữ 2 tổng hợp 1.4 (Hàn - Việt)	2	8.2	3.0
8	Đọc 2	2	8.7	4.0	40	Tâm lý học 1 (giảng dạy ngoại ngữ)	2	6.7	2.0
9	Viết 2	2	8.4	3.0	41	Ngữ dụng học	2	8.6	4.0
10	Tin học cơ sở	3	9.7	4.0	42	Giao thoa văn hóa 1	2	8.4	3.0
11	Dẫn luận ngôn ngữ	2	8.7	4.0	43	Phương pháp dạy học 1 (Teaching & Management Skills)	4	7.9	3.0
12	Triết học Mác - Lênin	3	9.7	4.0	44	Phương pháp dạy học 2 (Material Development & Adaptation)	2	8.6	4.0
13	Nghệ 3	2	9.0	4.0	45	Phương pháp dạy học 3 (Language Testing & Evaluation)	2	7.3	3.0
14	Nói 3	2	9.0	4.0	46	Giáo dục học 1	2	8.2	3.0
15	Đọc 3	2	7.9	3.0	47	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	6.1	2.0
16	Viết 3	2	7.7	3.0	48	Ngoại ngữ 2 tổng hợp 1.5 (Hàn - NP/THĐịch)	3	8.9	4.0
17	TH dịch 1	2	9.3	4.0	49	Tâm lý học 2 (giảng dạy ngoại ngữ)	2	7.8	3.0

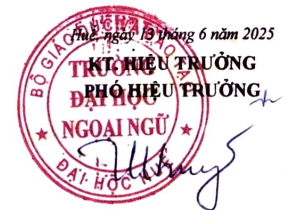
STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điểm hệ 10	Điểm hệ 4
18	Môi trường và con người	2	7.3	3.0	50	Văn học Anh 1	2	8.4	3.0
19	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	9.2	4.0	51	Văn học Mỹ 1	2	7.7	3.0
20	Ngữ âm - âm vị học	2	8.4	3.0	52	Phương pháp dạy học 4 (Theory of Learning & Teaching)	2	8.8	4.0
21	Văn hóa Anh 1	2	8.5	4.0	53	Phương pháp dạy học 5 (Technology in Language teaching)	2	7.2	3.0
22	Nghệ 4	2	6.2	2.0	54	Phương pháp dạy học 6A (Teaching Practicum)	2	9.0	4.0
23	Nói 4	2	8.8	4.0	55	Tư duy phê phán trong giảng dạy ngôn ngữ (Critical thinking in Language teaching)	2	9.1	4.0
24	Đọc 4	2	8.2	3.0	56	Giáo dục học 2	2	8.3	3.0
25	Viết 4	2	8.0	3.0	57	Ngôn ngữ học đối chiếu (Anh)	2	9.5	4.0
26	TH dịch 2	2	9.2	4.0	58	Ngoại ngữ 2 tổng hợp 1.3 (Hàn - Đọc)	2	8.4	3.0
27	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	9.2	4.0	59	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục - Đào tạo	2	8.8	4.0
28	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	7.9	3.0	60	Ngữ pháp chức năng	3	9.6	4.0
29	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	6.8	2.0	61	Phương pháp dạy học 6B (Issues in teaching and learning English in Viet Nam)	2	8.9	4.0
30	Ngữ pháp	2	8.6	4.0	62	Kiến tập - Thực tập sư phạm	5	9.3	4.0
31	Ngữ nghĩa học	2	7.8	3.0	63	Phương pháp dạy học 7B (Designing Tests)	2	9.2	4.0
32	Văn hóa Mỹ 1	2	7.4	3.0					

Đánh giá kết quả học tập:

Tổng số tín chỉ tích lũy: 135
Điểm trung bình tích lũy (hệ 4): 3.41
Điểm trung bình tích lũy (hệ 10): 8.36
Xếp hạng tốt nghiệp: Giỏi

Đánh giá kết quả rèn luyện:

Điểm trung bình rèn luyện: 86
Xếp loại rèn luyện: Tốt



PGS.TS. Nguyễn Hồ Hoàng Thủy